TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/DS-PT

Ngày 14 - 3 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi

Các Thẩm phán: Ông Phạm Sanh Hiền

Bà Đặng Thị Bích Vân

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 61/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1967. Địa chỉ: ấp CĐ, xã MT, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn Th, sinh năm 1953 và bà Trần Thị Gi, sinh năm 1953. Cùng địa chỉ: Ấp ST, xã MT, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NQL 1 (Có mặt).

2. NQL 2 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. NQL 3 (Vắng mặt).

4. NLQ (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Văn Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Trước đây vào ngày 09/4/2012, ông Lê Văn Th và bà Trần Thị Gi có chuyển nhượng cho bà diện tích đất ngang mặt tiền 10m, ngang hậu 16m, dài 33,35m với giá là 260.000.000 đồng. Khi mua các bên có làm giấy sang bán đất đề ngày 09/4/2012, có xác nhận của chính quyền địa phương. Sau khi thỏa thuận mua bán xong, bà H đã giao tiền cho ông Th, bà Gi, bà H nhận đất sử dụng cho đến nay nhưng các bên chưa làm thủ tục sang tên. Bà H đã nhiều lần yêu cầu ông Th và bà Gi phải làm thủ tục sang tên cho bà, nhưng ông Th, bà Gi không thực hiện.

Nay bà yêu cầu ông Lê Văn Th, bà Trần Thị Gi phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký với bà vào ngày 09/4/2012 và làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Phần đất đo đạc thực tế là 407,8m^2 (trong đó đất ở nông thôn là 300m^2, đất trồng cây lâu năm là 107,8m^2), tọa lạc tại ấp CĐ, xã MT, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa bà H trình bày, trên phần đất đang tranh chấp bà có xây cất một căn nhà có diện tích 33,25m^2, căn nhà này là bà H bỏ tiền ra xây dựng nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận căn nhà nên trên để gia đình bà được sử dụng, ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Đồng bị đơn ông Lê Văn Th và bà Trần Thị Gi trình bày:

Ông bà không đồng ý với lời trình bày của bà H. Việc bà H cho rằng ông bà có chuyển nhượng cho bà H diện tích đất ngang mặt tiền 10m, ngang hậu 16m, dài 33,35m với giá là 260.000.000 đồng là không có.

Trước đây vào ngày 20/4/1999 vợ chồng ông bà có chuyển nhượng cho bà H diện tích đất ngang 15m, dài 40m với giá là 08 chỉ vàng 24kra, khi mua bà H là người viết tờ nhượng đất và ông bà có ký tên. Sau đó ông giao hết giấy tờ cho bà H giữ, ông bà có kêu bà H trả lại giấy để ông bà làm thủ tục sang tên, nhưng bà H không trả nên đến nay vẫn chưa làm thủ tục sang tên cho bà H được.

Nay bà H yêu cầu ông bà phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 09/4/2012 và làm thủ tục sang tên cho bà H thì ông bà không đồng ý, do ông bà không có chuyển nhượng đất cho bà H, bà H đã giả mạo chữ ký của ông bà, diện tích đất này ông bà đã bán cho NQL 1 từ tháng 3/2006, ngoài ra ông bà không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NQL 1 trình bày:

Trước đây vào ngày 09/3/2006 NQL 1 có nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn Th và bà Trần Thị Gi một phần đất thổ cư với giá 120.000.000 đồng, đất giáp với bà H nhưng có trụ đá rõ ràng, chiều ngang khoảng 14m, NQL 1 đã giao đủ tiền cho ông Th, bà Gi. Hiện phần đất này NQL 1 đang quản lý, sử dụng nhưng có cho bà H mượn trồng một số cây như chuối, khóm. Nay bà H cho rằng ông Th và bà Gi đã chuyển nhượng phần đất này cho bà vào ngày 9/4/2012 và làm thủ tục sang tên cho bà H thì ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu sau này có tranh chấp với ông Th và bà Gi thì ông sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

2. NQL 2 và NQL 3 đều không có ý kiến đối với việc tranh chấp giữa các đương sự nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất lập ngày 09/4/2012 giữa bà Nguyễn Thị H với ông Lê Văn Th, bà Trần Thị Gi.

1.1. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị H với ông Lê Văn Th và bà Trần Thị Gi lập ngày 09/4/2012 là vô hiệu.

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho ông Lê Văn Th và bà Trần Thị Gi phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 407,8m^2 , trong đó đất ở nông thôn là 300m^2, đất trồng cây lâu năm 107,8m^2, tọa lạc tại ấp CĐ, xã MT, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang. Diện tích đo đạc cụ thể như sau:

+ Cạnh 1 - 2 = 14,65m giáp Nguyễn Thị H.

+ Cạnh 2 - 3 = 3m giáp đất bà Nguyễn Thị H.

+ Cạnh 3 - 4 = 10,65m giáp Đinh Thành Tr.

+ Cạnh 4 - 5 = 15,06m giáp phần đất cây lâu năm.

+ Cạnh 5 - 6 = 24,94m giáp đất Trần Thị Ph.

+ Cạnh 6 - 1 = 9,20m giáp lộ MHS R:3,5m.

+ Cạnh 4 - 7 = 6,85m giáp Đinh Thành Tr.

+ Cạnh 7 - 8 = 15,73m giáp kênh 100 R:15m.

+ Cạnh 8 - 5 = 7,21m giáp Trần Thị Ph.

+ Cạnh 5 - 4 = 15,06m giáp đất ở nông thôn.

Cùng các cây trồng trên đất gồm: 07 bụi chuối ,08 cây mít, 03 cây bạch đàn, 03 cây trâm.

(Trong đó các cạnh từ 1-2- 3- 4- 5- 6 là thửa số 01 có diện tích 300m^2, đất ở nông thôn; các cạnh 4-5-7-8 thửa số 02 có diện tích 107,8m^2, đất trồng cây lâu năm, theo tờ trích đo địa chính 21/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện HĐ và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/02/2018 của TAND huyện HĐ).

1.3. Buộc ông Lê Văn Th và bà Trần Thị Gi phải trả cho bà Hi số tiền tổng cộng là 396.107.600 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu, một trăm lẻ bảy nghìn, sáu trăm đồng). Trong đó số tiền nhận chuyển nhượng là 260.000.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại là 136.107.600 đồng.

1.4. Buộc bà H phải trả lại giấy chứng nhận QSD đất bản gốc số AB 465426 do UBND huyện HĐ cấp ngày 23/3/2005 đứng tên Lê Văn Th cho ông Lê Văn Thvà bà Trần Thị Gi khi án có hiệu lực pháp luật (hiện nay giấy CNQSD đất bản gốc bà H đang giữ).

1.5. Buộc bà Nguyễn Thị H phải tháo dỡ toàn bộ căn nhà mái lợp tiplo, cuốn nền gạch bông, vách dựng tôn có diện tích bề ngang nhà trước và nhà sau là 3,2m, chiều dài 10,4m, sân trước ngang 3,2m, dài 4,5m (Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/9/2018 của TAND huyện HĐ) được xây dựng vào ngày 09/6/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chi phí giám định chữ ký, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/11/2018, bị đơn Lê Văn Th có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Ông chỉ chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H phần đất với số vàng là 08 chỉ có xác nhận của ấp là sự thật, ông không có chuyển nhượng thêm phần đất nào.

Ông yêu cầu làm rõ việc bà H lợi dụng ông không biết chữ, kêu ông ký giấy sang bán đất, do ông tin tưởng bà H, nên đã ký vào năm 2003, nhưng đến năm 2017 mới ký xác nhận của Công an xã MT, nên ông nghĩa là bè phái với nhau để nhằm chiếm đoạt tài sản của ông. Việc Công an xã MT có thẩm quyền xác nhận vào giấy tờ sang bán không?

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Lê Văn Th vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn Th. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NQL 2 có đơn xin xét xử vắng mặt, NQL 3 và NQL 4 vắng mặt, nhưng không có đơn kháng cáo, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Ông Lê Văn Th, bà Trần Thị Gi có chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H một thửa đất ngang mặt tiền 10m, ngang mặt hậu 10m; dài 33,35m với giá 260.000.000 đồng. Hai bên có lập hợp đồng bằng giấy viết tay ngày 09/4/2012 có xác nhận của chính quyền địa phương.

Sau khi mua bán chuyển nhượng, bên mua bà H trả đủ tiền, bên bán ông Th, bà Gi đã bàn giao đất cho bà H sử dụng, từ đó đến nay không ai tranh chấp. Nhưng các bên chưa làm thủ tục sang tên, bà H đã nhiều lần yêu cầu ông Th, bà Gi làm thủ tục sang tên, nhưng ông Th, bà Gi không thực hiện, nên phát sinh tranh chấp.

Tòa sơ thẩm cũng đã làm đủ thủ tục là ban hành Quyết định số 08/2018/QĐ-TA ngày 10/7/2018 để các bên tiếp tục hoàn thiện hình thức hợp đồng. Tuy nhiên, ông Th, bà Gi không đồng ý. Nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định lỗi làm cho hợp đồng bị vô hiệu phía ông Th, bà Gi 60%, phía bà H 40% là hoàn toàn thỏa đáng, phù hợp quy định của pháp luật.

Xét giấy sang bán đất ngày 09/4/2012, ông Th, bà Gi không thừa nhận có ký tên, nhưng theo kết luận của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kiên Giang thì chữ ký trong giấy sang bán đất ngày 09/4/2012 là của ông Th, bà Gi.

Tuy nhiên, giấy sang bán đất giữa bà H với ông Th, bà Gi, mặc dù đã được lập thành văn bản, nhưng không có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật là vi phạm về hình thức được quy định khoản 2 Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2005, điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013. Nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là vô hiệu. Đồng thời buộc các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, buộc bồi thường thiệt hại theo mức độ lỗi của các bên là hoàn toàn thỏa đáng.

[3] Xét kháng cáo của ông Th yêu cầu Tòa phúc thẩm làm rõ việc bà H lợi dụng ông không biết chữ, kêu ông ký giấy sang bán đất, ông chỉ thừa nhận bán đất cho bà H với phần đất giá 08 chỉ vàng. Tuy nhiên, đây là là lời trình bày của ông Th, nhưng ông Th không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho việc ông bị lừa dối trong việc ký mua bán đất. Riêng việc ông bán đất với giá 08 chỉ vàng có hợp đồng và đã hoàn thành thủ tục sang tên cấp giấy, phần này hai bên không tranh chấp.

Còn việc Trưởng Công an xã MT ông Phạm Thanh T ký xác nhận ngày 09/5/2017 chỉ xác nhận bà Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú tại ấp CĐ, xã MT, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang, không phải ký xác nhận chứng kiến các bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do vậy, sau khi thảo thuận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn Th. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 96/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn Th và bà Trần Thị Gi phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền 136.107.600 đồng gây thiệt hại cho bà H (lỗi 60%) là 6.805.380 đồng (làm tròn 6.805.000 đồng)

Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng đối yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án., thì bà H là con liệt sỹ, nên được miễn tiền án phí. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà H.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo của ông Lê Văn Th không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, nên phải nộp án phí 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[5] Chi phí tố tụng khác:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 1.194.000 đồng theo biên lai thu tiền ngày 07/5/2018; chi phí định giá tài sản 4.700.000 đồng theo hóa đơn ngày 19/9/2018 và 12/10/2018 của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá NM.

Tổng cộng 5.894.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H đã tạm ứng trước, nên buộc ông Lê Văn Th và bà Trần Thị Gi phải hoàn trả số tiền này cho bà H.

- Chi phí giám định chữ ký với số tiền 3.570.000 đồng theo biên nhận ngày 02/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kiên Giang. Ông Lê Văn Th phải chịu số tiền này và đã thực hiện xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 134 và Điều 137, khoản 2 Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2005, các Điều 117, Điều 122, Điều 129, Điều 131 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản Điều 167 Luật Đất đai năm 2013.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lâm Văn Th.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 96/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- *Phần tuyên xử:*

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 09/4/2012 giữa bà Nguyễn Thị H với ông Lê Văn Th, bà Trần Thị Gi.

2. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị H với ông Lê Văn Th và bà Trần Thị Gi lập ngày 09/4/2012 là vô hiệu.

3. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho ông Lê Văn Th và bà Trần Thị Gi phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 407,8m^2 , trong đó đất ở nông thôn là 300m^2, đất trồng cây lâu năm 107,8m^2, tọa lạc tại ấp CĐ, xã MT, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang. Diện tích đo đạc cụ thể như sau:

+ Cạnh 1 - 2 = 14,65m giáp Nguyễn Thị H.

+ Cạnh 2 - 3 = 3m giáp đất bà Nguyễn Thị H.

+ Cạnh 3 - 4 = 10,65m giáp Đinh Thành Tr.

+ Cạnh 4 - 5 = 15,06m giáp phần đất cây lâu năm.

+ Cạnh 5 - 6 = 24,94m giáp đất Trần Thị Ph.

+ Cạnh 6 - 1 = 9,20m giáp lộ MHS R:3,5m.

+ Cạnh 4 - 7 = 6,85m giáp Đinh Thành Tr.

+ Cạnh 7 - 8 = 15,73m giáp kênh 100 R:15m.

+ Cạnh 8 - 5 = 7,21m giáp Trần Thị Ph.

+ Cạnh 5 - 4 = 15,06m giáp đất ở nông thôn.

Cùng các cây trồng trên đất gồm: 07 bụi chuối ,08 cây mít, 03 cây bạch đàn, 03 cây trâm.

(Trong đó các cạnh từ 1-2- 3- 4- 5- 6 là thửa số 01 có diện tích 300m^2, đất ở nông thôn; các cạnh 4-5-7-8 thửa số 02 có diện tích 107,8m^2, đất trồng cây lâu năm, theo tờ trích đo địa chính 21/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang).

4. Buộc ông Lê Văn Th và bà Trần Thị Gi phải trả cho bà H số tiền tổng cộng là 396.107.600đ *(Ba trăm chín mươi sáu triệu, một trăm lẻ bảy nghìn, sáu trăm đồng)*. Trong đó, số tiền nhận chuyển nhượng là 260.000.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại là 136.107.600 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Buộc bà H phải giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc số AB 465426 do NQL 2, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 23/3/2005 đứng tên Lê Văn Th cho ông Lê Văn Th và bà Trần Thị Gi khi án có hiệu lực pháp luật (hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc bà H đang giữ).

6. Buộc bà Nguyễn Thị H phải tháo dỡ toàn bộ căn nhà mái lợp tiplo, cuốn nền gạch bông, vách dựng tôn có diện tích bề ngang nhà trước và nhà sau là 3,2m, chiều dài 10,4m, sân trước ngang 3,2m, dài 4,5m được xây dựng vào ngày 09/6/2018).

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang).

7. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005036 ngày 01/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang

Buộc ông Lê Văn Th và bà Trần Thị Gi phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 6.805.000đ (*Sáu triệu tám trăm lẻ năm nghìn đồng).*

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Lê Văn Th phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009182 ngày 30/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang. Ông Lê Văn Th không phải nộp thêm.

8. Chi phí tố tụng khác:

Buộc ông Lê Văn Th, bà Trần Gi phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H tiền chi phí xem thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền 5.894.000đ *(Năm triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng)*.

Ông Lê Văn Th, bà Trần Thị Gi phải chịu chi phí giám định chữ ký 3.570.000 đồng theo biên nhận đề ngày 02/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kiên Giang. Ông Th, bà Gi đã thực hiện xong.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện HĐ;
- THA dân sự huyện HĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đình Thi